

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, triển khai sâu rộng nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp thực hiện của mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, cộng đồng doanh nghiệp; huy động mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển.

3. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW phải được tiến hành nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

II- MỤC TIÊU**1. Mục tiêu chung**

Tập trung các nguồn lực xã hội, các lợi thế của tỉnh để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực, phấn đấu đưa tỉnh Bắc Giang trở thành tỉnh phát triển về công nghệ sinh học của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. Ứng dụng công nghệ sinh học gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất hiện đại; phát huy, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ

môi trường, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế; từng bước đưa tỉnh Bắc Giang trở thành trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh về công nghệ sinh học của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; từng bước xây dựng ngành công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030:

Bắc Giang nằm trong nhóm 03 tỉnh đứng đầu Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong các ngành, lĩnh vực.

Xây dựng nền công nghệ sinh học có nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tài chính đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Công nghiệp sinh học từng bước trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng; hình thành một số doanh nghiệp công nghiệp sinh học có quy mô đầu tư và tăng trưởng lớn, sản xuất các sản phẩm thay thế sản phẩm công nghệ sinh học nhập khẩu. Công nghiệp sinh học đóng góp từ 10% trở lên vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045:

Hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghiệp sinh học có quy mô đầu tư và quy mô tăng trưởng lớn.

Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh có nền công nghệ sinh học phát triển của cả nước, hình thành một số trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo về công nghệ sinh học thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu miền Bắc. Công nghiệp sinh học đóng góp từ 15% trở lên vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trọng tâm là Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; qua đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị hằng năm và giai đoạn.

Các cấp, các ngành, các địa phương, nòng cốt là các cơ quan thông tin, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền hoạt động, thành tựu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học; kịp thời phổ biến, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; phê phán những hạn chế, yếu kém, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Nghiên cứu ban hành hoặc triển khai áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, quốc phòng, an ninh, sản phẩm sinh học thân thiện với môi trường; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, miền núi; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghệ sinh học; đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực công nghệ sinh học. Thường xuyên rà soát, bổ sung các cơ chế chính sách của địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định và tình hình thực tế; đồng thời, kiến nghị bổ sung, hoàn thiện pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm an toàn sinh học trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học; đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

Nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về sản phẩm công nghệ sinh học theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo đặc thù quản lý của tỉnh.

3. Tập trung phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; từng bước phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh

3.1. Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp

Phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn.

Nghiên cứu thử nghiệm, chọn tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, có đặc tính ưu việt, thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu, bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm an toàn sinh học, sản xuất phân bón vi sinh, chế phẩm cải tạo đất, chế phẩm bảo vệ thực vật và chất kích thích sinh trưởng có nguồn gốc thực vật, xử lý phụ phẩm nông nghiệp.

Ứng dụng vắc-xin và chế phẩm sinh học thế hệ mới phòng bệnh cho vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh, góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu của tỉnh.

Xây dựng và mở rộng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến nông sản chủ lực của tỉnh nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản quy mô lớn.

3.2. Mở rộng, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp

Tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp sinh học, từng bước xây dựng công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các dự án phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, chế phẩm phục vụ sản xuất các loại thực phẩm lên men có nguồn gốc tự nhiên, công nghiệp chế biến các sản phẩm có giá trị cao từ nguồn nguyên liệu trong tỉnh nhằm phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học khai thác tối đa lợi thế của tỉnh nhằm sản xuất ra các sản phẩm chủ lực, đặc trưng có giá trị kinh tế cao.

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao trong và ngoài nước, ứng dụng hiệu quả trong công nghiệp sinh học.

3.3. Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong y tế

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế, trong sản xuất và chế biến các sản phẩm phục vụ nhu cầu phòng và chữa bệnh.

Ứng dụng các loại thuốc, vắc-xin đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh trong y tế; nghiên cứu sản xuất nguyên liệu cho các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

Tích cực tham gia các đề tài của các cơ quan Trung ương hoặc chủ động nghiên cứu, phát triển y học công nghệ cao nhằm phòng, chống hữu hiệu các loại dịch bệnh nguy hiểm. Quan tâm tiếp cận, phối hợp, nhận chuyển giao kỹ thuật, áp dụng liệu pháp công nghệ gen, công nghệ tế bào vào điều trị các bệnh hiểm nghèo, các bệnh không truyền nhiễm, các bệnh lý mang tính chất di truyền.

Bảo tồn và phát triển cây thuốc; di thực dược liệu có giá trị, kết hợp hài hoà giữa bảo tồn nguyên vị và bảo tồn chuyển vị.

3.4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, phát triển hệ sinh thái bền vững

Chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, ưu tiên xử lý chất thải y tế; chất độc hóa học; chất thải trong sản xuất, chế biến nông lâm, thủy sản và chăn nuôi; chất thải trong công nghiệp và sinh hoạt, chất thải nguy hại; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường; sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học.

Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, khôi phục và phát triển bền vững hệ sinh thái.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong khai thác và phát triển bền vững nguồn gen phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen giai đoạn 2026-2030.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Quan tâm đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ sinh học. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn nhằm nâng cao số lượng và chất lượng nguồn nhân lực công nghệ sinh học của tỉnh. Khuyến khích liên kết giữa các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học.

Đầu tư nguồn lực nâng cao năng lực phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ để làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà tỉnh Bắc Giang có lợi thế. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, hiện đại hoá hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ sinh học của tỉnh để ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học vào thực tiễn.

Hỗ trợ, phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học. Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị nhằm sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành, quốc gia.

Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin về công nghệ sinh học phục vụ sản xuất trên địa bàn.

5. Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ sinh học

Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường Đại học trong và ngoài tỉnh có khả năng nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Ký kết hợp tác với các đơn vị có liên quan đến lĩnh vực công nghệ sinh học mà tỉnh Bắc Giang có lợi thế phát triển.

Hợp tác phát triển kinh tế sinh học, quản lý tài nguyên, quản lý kinh tế, xã hội bền vững với các tổ chức, doanh nghiệp có trình độ công nghệ sinh học phát triển.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực công nghệ sinh học, đào tạo chuyên gia có trình độ cao. Mở rộng hợp tác, chuyển giao các công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 189/NQ-CP và Kế hoạch này đến đối tượng liên quan bằng hình thức phù hợp.

2. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh rà soát các văn bản đã ban hành có liên quan, đồng thời bám sát nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 189/NQ-CP, Kế hoạch này để tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thành việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm phù hợp thực tiễn; phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; xong trong **tháng 02/2024**.

3. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh, huyện ủy, thành ủy, mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt nội dung Nghị quyết số 36-NQ/TW, Kế hoạch này và các văn bản có liên quan đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, đồng

thời triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kế hoạch này bằng hình thức phù hợp; xong trong **tháng 3/2024**.

4. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện.

5. Đảng đoàn Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Kế hoạch này.

6. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các cơ quan Trung ương theo yêu cầu. *✶*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn; huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, cơ quan, ban, ngành, Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy: LĐVP, KTXH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo)

